

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
trình độ đại học ngành Marketing của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

*Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-KĐCLGDTL ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 20 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 08 chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế;*

*Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế;*

*Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 20 ngày 30 tháng 7 năm 2025.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo ngành Marketing trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46 tiêu chí (chiếm 92%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Kinh tế, ĐH Huế;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đường**





## Phụ lục I

# KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH MARKETING CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC HUẾ

(Kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐKĐCLGD ngày 08/8/2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                              |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số tiêu<br>chí đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                            | 4,00                        | 3                  | 100                          |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 1.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 1.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                            | 3,67                        | 2                  | 66,67                        |
| Tiêu chí 2.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 2.2            | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                            | 3,67                        | 2                  | 66,67                        |
| Tiêu chí 3.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 3.2            | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 3.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                            | 4,00                        | 3                  | 100                          |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 4.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 4.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                            | 3,80                        | 4                  | 80,00                        |
| Tiêu chí 5.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 5.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 5.3            | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 5.5            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                            | 4,00                        | 6                  | 85,71                        |
| Tiêu chí 6.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.2            | 3                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.6            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 6.7            | 5                          |                             |                    |                              |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                              |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số tiêu<br>chí đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                            | 4,00                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 7.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 7.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 7.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 7.4            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 7.5            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                            | 4,40                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 8.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 8.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 8.3            | 5                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 8.4            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 8.5            | 5                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                            | 4,00                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 9.1            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 9.2            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 9.3            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 9.4            | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 9.5            | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                            | 4,00                        | 6                  | 100                          |
| Tiêu chí 10.1           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.2           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.3           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.4           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.5           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 10.6           | 4                          |                             |                    |                              |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                            | 4,60                        | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 11.1           | 5                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 11.2           | 5                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 11.3           | 5                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 11.4           | 4                          |                             |                    |                              |
| Tiêu chí 11.5           | 4                          |                             |                    |                              |

| Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|----------------|-----------------|---------------------------|
| 4,04           | 46              | 92                        |





## Phụ lục II

# KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH MARKETING CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC HUẾ

(Kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐKĐCLGD ngày 08/8/2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

## I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Marketing của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, có sự điều chỉnh, bao quát được các yêu cầu chung và chuyên biệt của CTĐT; được phổ biến công khai đến các bên liên quan bằng các hình thức khác nhau.

2. Bản mô tả CTĐT trình bày đầy đủ các nội dung, được rà soát, điều chỉnh, bổ sung đầy đủ thông tin theo quy định. Đề cương học phần được xây dựng rà soát, cập nhật; có đầy các nội dung, thông tin cần thiết, và công bố cho sinh viên. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được chia sẻ thông qua nhiều kênh thông tin đa dạng giúp cho giảng viên, sinh viên có thể tham khảo.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; có bảng ma trận thể hiện sự tương thích và mức độ đóng góp giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và học phần. Việc xây dựng, điều chỉnh CTĐT có lấy ý kiến các bên liên quan. Cấu trúc chương trình dạy học được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần được bố trí hợp lý. Chương trình dạy học được rà soát, có đối sánh với các CTĐT trong và ngoài nước đảm bảo tính cập nhật, linh hoạt và tích hợp.

4. Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, được thể hiện trong Bản mô tả CTĐT, phổ biến đến các bên liên quan trên cổng thông tin điện tử của Trường và được giảng viên triển khai vào các hoạt động dạy và học. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung học phần và chuẩn đầu ra của học phần tương ứng các nhóm chiến lược giảng dạy và học tập. Các hoạt động dạy học tích hợp, thực tập thực tế hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cũng như khả năng học tập suốt đời. Giảng viên, sinh viên hài lòng với các hoạt động dạy và học.

5. Trường ban hành đầy đủ quy chế đào tạo, quy định đánh giá kết quả học tập của sinh viên, quy định về việc đo lường đánh giá mức độ sinh viên đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Các quy định về phương pháp, hình thức đánh giá, trọng số của các điểm thành phần, cách tính điểm học phần và cơ chế phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá được phổ biến đến sinh viên đầy đủ. Giảng viên sử dụng các phương



pháp kiểm tra đánh giá khác nhau để đánh giá kết quả học tập của sinh viên, được thể hiện trong đề cương học phần. Kết quả học tập được phản hồi đến sinh viên kịp thời bao gồm kết quả đánh giá quá trình, thi giữa kỳ, thi kết thúc học phần. Quy định/quy trình về khiếu nại kết quả học tập được phổ biến với nhiều hình thức cho sinh viên dễ tiếp cận và được giải quyết thỏa đáng, kịp thời.

6. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện theo Chiến lược phát triển Nhà trường. Quy định tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ giảng viên đầy đủ, rõ ràng. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo từng vị trí, chức danh làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm. Hoạt động đào tạo bồi dưỡng phát triển chuyên môn của giảng viên được thực hiện theo kế hoạch. Việc quản trị các hoạt động được thực hiện theo kết quả công việc. Đội ngũ giảng viên có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, có nhiều bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, có nhiều báo cáo khoa học, có chỉ số công bố khoa học vượt trội.

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ được quy hoạch theo Kế hoạch chiến lược phát triển trường với định hướng ổn định quy mô, giảm dần tỷ lệ nhân viên. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Trường đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của CTĐT. Các tiêu chí tuyển dụng viên chức, bổ nhiệm, luân chuyển đội ngũ nhân viên cơ bản rõ ràng. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định, được đánh giá. Mức độ hài lòng đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ của giảng viên qua khảo sát các năm tương đối cao. Nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện thông qua khảo sát. Nhà trường đã triển khai quản trị theo kết quả công việc của nhân viên.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh và các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng được công khai dưới nhiều hình thức được rà soát, đánh giá hằng năm. Trách nhiệm giám sát sự tiến bộ của người học rõ ràng và ban hành đầy đủ các quy định/quy trình về việc giám sát sự tiến bộ của người học, có các đơn vị về công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, tư vấn việc làm cho người học. Hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học thiết thực và được người học quan tâm. Môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học và thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp đảm bảo cảnh quan sư phạm sạch sẽ và các điều kiện vệ sinh, an toàn.

9. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng khá phù hợp, đảm bảo theo quy định, có đủ các trang bị cơ bản. Thư viện có nội quy, quy định, có các trang thiết bị cơ bản thiết yếu, có hệ thống tài liệu bản cứng và bản mềm được cập nhật, có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện. Phòng thực hành đầy đủ, được trang bị cơ bản để thực hiện CTĐT, các trang thiết bị được quản lý, theo dõi và duy tu bảo dưỡng định kỳ. Hệ thống công nghệ thông tin khá đầy đủ, hoạt động khá ổn định, được duy tu, bảo dưỡng và cập nhật.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế và



phát triển CTĐT và chương trình dạy học của Trường được thiết lập, được rà soát đánh giá và cải tiến phù hợp với quy định của pháp luật và sự phát triển của Trường. Hoạt động rà soát và đánh giá quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể, rõ ràng được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện một số đề tài nghiên cứu khoa học các cấp có kết quả được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá thường xuyên và cải tiến. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập có tính hệ thống, có các quy định, công cụ, hình thức thu thập thông tin, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi từ các bên liên quan; được rà soát và cải tiến.

11. Nhà trường thực hiện khá tốt việc giám sát, định kỳ thống kê, cập nhật số lượng sinh viên bị cảnh báo học tập, thôi học, tốt nghiệp trước và đúng hạn, tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên thuộc CTĐT. Tỷ lệ sinh viên thôi học thấp, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trước hạn và đúng hạn cao. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và làm việc phù hợp với ngành đào tạo cao. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên có chiều hướng phát triển tốt đã có giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ và cấp Đại học Huế, là đồng tác giả với giảng viên công bố bài báo khoa học trong nước. Nhà trường đã thực hiện một số khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động của CTĐT và mức độ hài lòng đã được phân tích, đối sánh, đánh giá để xây dựng các giải pháp cải tiến chất lượng.

## **II. KIẾN NGHỊ**

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Tiếp tục thực hiện rà soát, lấy ý kiến các bên liên quan chuyên sâu về mức độ đáp ứng mục tiêu đào tạo, đánh giá sự thành công của sinh viên và tỷ lệ tự tạo việc làm (khởi nghiệp) để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chuẩn đầu ra cần tiếp tục được rà soát, cải tiến theo hướng phân nhiệm rõ hơn chỉ báo PI của từng chuẩn đầu ra để thuận tiện cho quá trình đo lường, đánh giá, và đảm bảo độ tin cậy mức độ đạt chuẩn đầu ra. Trường/Khoa cần đa dạng hình thức thu thập thông tin, tăng quy mô và tính hiệu quả của đối tượng tham gia lấy ý kiến khảo sát, tổ chức các hội thảo/toạ đàm chuyên sâu để có thể đánh giá kết quả đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên, sử dụng đầy đủ góp ý các bên liên quan.

2. Bổ sung thông tin về bảng tiêu chí đánh giá/rubrics tương ứng cho các hoạt động kiểm tra đánh giá trong Bản mô tả CTĐT; hoàn chỉnh và bổ sung các đề cương của các học phần về ngoại ngữ, thực tập nghề nghiệp, khoá luận cuối khoá trong danh mục đề cương học phần của CTĐT, đảm bảo tính đầy đủ, hợp lý trong gắn kết các chuẩn đầu ra CTĐT; tiếp tục rà soát thông tin đề cương học phần trước khi ban



hành, đảm bảo tính chuẩn xác ma trận liên kết chuẩn đầu ra – phương pháp dạy học - phương pháp kiểm tra đánh giá tại tất cả các học phần cũng như đóng góp phù hợp cho chuẩn đầu ra của CTĐT; nêu rõ hơn các hoạt động dạy học hướng đến hình thành các kỹ năng và năng lực tự nghiên cứu, tự học; phân bổ thời gian tự học, thực hành trong đề cương học phần đáp ứng theo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT; rà soát tài liệu giảng dạy đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu tại Thông tư 35/2021/TT-BGDĐT, tăng cường số hoá dữ liệu và sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong đào tạo, nghiên cứu khoa học; định kỳ khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về các hình thức, nội dung và phương thức công bố các bản mô tả CTĐT, đề cương học phần để có cơ sở cải tiến phương thức tiếp cận.

3. Xây dựng văn bản hướng dẫn chi tiết cách thức giám sát để đánh giá tính hiệu quả và phù hợp các mức độ đóng góp và phân bổ của từng học phần với chuẩn đầu ra; tăng cường tập huấn, hướng dẫn giảng viên hiểu biết sâu về nguyên tắc và kỹ thuật thiết kế phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập tương thích chuẩn đầu ra; triển khai việc đo lường, đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần/CTĐT dựa trên dữ liệu phân tích kết quả học tập hoặc lấy ý kiến của các bên liên quan bằng hình thức khảo sát để làm căn cứ phân tích, rà soát cải tiến các học phần trong chương trình dạy học. Biểu mẫu dự giảng cần xây dựng khung đánh giá cụ thể, đảm bảo đánh giá được các phương pháp giảng dạy thể hiện tại đề cương học phần là phù hợp.

4. Triển khai đánh giá nhận thức và mức độ hiểu biết về Triết lý giáo dục của các bên liên quan để nâng cao hiệu quả truyền thông tới các bên liên quan bên trong và ngoài Trường; xây dựng hướng dẫn về cách chuyển tải Triết lý giáo dục vào các hoạt động khi xây dựng, triển khai và rà soát, cập nhật CTĐT; rà soát, thể hiện rõ nội hàm Triết lý giáo dục phổ biến trên trang thông tin điện tử, nhất là các hoạt động góp phần hiện thực hoá nội hàm “tính khai phóng”; thiết kế rõ các biện pháp giám sát hoạt động tự học của sinh viên và kiểm tra đánh giá một cách bài bản; tiếp tục phát triển các hoạt động tự học/nghiên cứu khoa học của sinh viên; xây dựng hệ thống LMS trong quản lý khoá học và các tài nguyên học tập để tạo điều kiện cho giảng viên triển khai các hoạt động ứng dụng số trong giảng dạy và học tập.

5. Rà soát, cập nhật, ban hành mẫu đề thi; bổ sung ma trận đề thi và chuẩn đầu ra của học phần cần đạt được để làm cơ sở đánh giá, phân tích kết quả đề thi/bài thi của sinh viên; tăng cường số lượng và chất lượng ngân hàng đề thi đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần; rà soát các phương pháp kiểm tra đánh giá và đính kèm tương ứng bảng tiêu chí đánh giá cho từng hoạt động kiểm tra đánh giá trong đề cương học phần; thực hiện sơ kết, tổng kết về việc sử dụng hiệu quả các tổ hợp phương pháp kiểm tra đánh giá; triển khai đo lường, đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong việc đạt được chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT; xây dựng văn bản hướng dẫn đo lường chuẩn đầu ra, xác định rõ hơn tại học phần đánh giá (A) cụ thể trong chương trình dạy học và có lộ trình giám sát và thực hiện; định kỳ khảo sát, đánh giá mức độ hỗ trợ cải thiện việc học tập nhằm hoàn thiện quy định về thời gian phản hồi kết quả học tập của sinh viên; xem xét rút ngắn khoảng thời gian trả kết quả phúc khảo cho sinh viên và cơ chế quy định cho sinh viên biết đáp án hoặc được giải đáp thắc mắc sau khi



được chấm điểm phúc khảo để sinh viên được biết nguyên nhân tăng giảm hay không được điều chỉnh điểm.

6. Xây dựng đề án phát triển nguồn lực giảng viên trong đó có dự báo, định biên, kế hoạch thực hiện phù hợp với chỉ số trong chiến lược phát triển của Trường; rà soát, bổ sung chính sách thu hút để tuyển dụng đội ngũ giảng viên phù hợp với quy mô tuyển sinh ban hành quy định về tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ (KPIs); phát triển phần mềm quản lý và giám sát kết quả thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giảng viên chú trọng các năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ; đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo bồi dưỡng; xây dựng các hướng nghiên cứu, lựa chọn các đối tác, hợp tác để thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước; tạo động lực cho giảng viên viết bài đăng trên các tạp chí có uy tín cũng như tạp chí quốc tế; đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học giữa các CTĐT/các Khoa và đánh giá kết quả theo mục tiêu trong chiến lược.

7. Quy hoạch phát triển, nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên, cán bộ hỗ trợ trên cơ sở phân tích nhu cầu hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và các CTĐT; đa dạng hoá, nâng cao hiệu các phương thức phổ biến, công khai các quy định, hướng dẫn về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên tới cán bộ, nhân viên; công khai đầy đủ các văn bản, hướng dẫn hiện hành của Đại học Huế và của Trường Đại học Kinh tế trên website của Trường; cải tiến công cụ, phương pháp đánh giá, phân loại cán bộ, nhân viên đảm bảo đánh giá được năng lực đội ngũ; khảo sát định kỳ, hàng năm nhu cầu về đào tạo bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch năm học; theo dõi, quản lý hoạt động đào tạo bồi dưỡng nhân viên; mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm; quy định cụ thể khối lượng công việc của các vị trí nhân viên; có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm đến từng nhân viên, đơn vị; cải tiến việc lấy ý kiến góp ý của cán bộ, viên chức, người lao động đối với các dự thảo quy định, quy chế một cách hệ thống, bài bản; thống nhất cách thức lấy ý kiến, thu nhận ý kiến, quản lý sử dụng và lưu trữ đầy đủ các ý kiến đóng góp của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ.

8. Chú trọng thu thập sự góp ý của các bên liên quan ngoài trường về các chính sách và quy định tuyển sinh để có sự điều chỉnh phù hợp hơn; lấy ý kiến các bên liên quan ngoài Trường về các tiêu chí và phương pháp xét tuyển người học đầy đủ hơn để có sự điều chỉnh phù hợp; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo giúp cho công tác theo dõi sự tiến bộ của người học được hiệu quả hơn; tổ chức Hội nghị/Hội thảo phân tích, đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học để có giải pháp nâng cao hiệu quả cho các hoạt động này; nâng cấp dung lượng và bổ sung thêm các điểm phát Wifi giúp cho việc truy cập thông tin được thuận lợi hơn.

9. Xây dựng kế hoạch cải thiện chất lượng các cơ sở vật chất tại giảng đường nhằm nâng cao chất lượng dạy, học; rà soát, bổ sung tài liệu bắt buộc và tham khảo cho đầy đủ theo đề cương chi tiết học phần, các tài liệu bắt buộc nên là tiếng Việt và là giáo trình; số hóa các giáo trình tài liệu đảm bảo nhu cầu cho người học; sớm hoàn thiện đưa Thư viện mới vào sử dụng nhằm thu hút bạn



đọc đến với thư viện nhiều hơn; có kế hoạch nâng cấp/đổi mới hệ thống công nghệ thông tin quản lý hoạt động của toàn trường; xây dựng, ban hành quy định về các tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường; xây dựng, sửa chữa các công trình cần lưu ý đầy đủ đến nhu cầu của người khuyết tật; kiểm tra thay thế các bình cứu hỏa cầm tay hết hạn sử dụng/không đảm bảo chất lượng.

10. Khảo sát nhu cầu nhân lực từ bên sử dụng lao động, yêu cầu về năng lực tại các vị trí việc làm, lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ các chuyên gia từ các trường đại học khác về CTĐT, chương trình dạy học làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung, cải tiến CTĐT; rà soát Quy định xây dựng, đánh giá và cải tiến chuẩn đầu ra, CTĐT và đề cương chi tiết các học phần, bổ sung các bước thiết kế đề cương chi tiết các học phần và chương trình dạy học dựa trên mức độ tham gia của học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát phiếu khảo sát chất lượng giảng dạy học phần của giảng viên, điều chỉnh số tiêu chí đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá, đánh giá đầy đủ hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học; đánh giá sự tương thích và mức độ phù hợp các phương pháp dạy và học và phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần; tách riêng kết quả đánh giá cho CTĐT; khuyến khích giảng viên, nghiên cứu viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học về đánh giá, phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của CTĐT, nâng cao số lượng và chất lượng kết quả nghiên cứu khoa học được áp dụng, cải tiến phương pháp dạy, học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; rà soát, bổ sung các tiêu chí đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác; tách riêng số liệu khảo sát cho từng CTĐT; thu thập, đánh giá đầy đủ cơ chế phản hồi của các bên liên quan cả ở bên trong và bên ngoài Trường để nâng cao chất lượng thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

11. Mua mới hoặc nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo có tính năng thống kê sinh viên thôi học, tốt nghiệp, tính thời gian tốt nghiệp trung bình để giúp cho việc giám sát quá trình đào tạo và sản phẩm đầu ra được thuận lợi, chính xác. Khoa cần quan tâm hơn việc giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm cộng đồng, trách nhiệm với Trường của sinh viên về việc phản hồi khi được khảo sát ý kiến. Phát triển phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên rộng khắp hơn nữa, tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên. Quan tâm hơn đến chất lượng đối sánh các chỉ số kết quả đầu ra ở trong và ngoài Trường.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.